

Số: 4835 /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày

22 tháng 12 năm 2014
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CÔNG VĂN ĐẾN

Số:.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Đề án huy động vốn xã hội hóa để đầu tư năm 2014
kết cấu hạ tầng lĩnh vực đường thủy nội địa

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị quyết 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 27/11/2009 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT, hợp đồng BTO, hợp đồng BT và Nghị định số 24/2011/NĐ-CP ngày 05/4/2011 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 108/2009/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 355/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Chiến lược phát triển giao thông vận tải Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 2508/TTr-CĐTND ngày 12/12/2014 của Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và theo đề nghị của Vụ trưởng - Trưởng ban Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án huy động vốn xã hội hóa để đầu tư kết cấu hạ tầng lĩnh vực đường thủy nội địa với các nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm và mục tiêu

1.1. Quan điểm và mục tiêu tổng quát

- Đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước;

- Huy động mạnh mẽ mọi nguồn lực của xã hội nhằm giảm áp lực về nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Tạo môi trường đầu tư bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh và hiệu quả, đồng thời đảm bảo lợi ích hài hòa của nhà nước và nhà đầu tư;

- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, hệ thống pháp luật về huy động vốn xã hội hóa đầu tư kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Về huy động vốn ngoài ngân sách

+ Giai đoạn 2015 ÷ 2020 đạt khoảng 40% (tương ứng khoảng 45 dự án/12.600 tỷ đồng) tổng nhu cầu vốn đầu tư. Riêng giai đoạn 2015 - 2016 thí điểm thực hiện ít nhất 02 dự án/1.800 tỷ đồng theo hình thức xã hội hóa.

(Danh mục các dự án dự kiến thực hiện xã hội hóa đầu tư đến năm 2020 như Phụ lục 01 đính kèm).

+ Giai đoạn sau năm 2020 đạt khoảng 70% tổng nhu cầu vốn đầu tư.

- Về sửa đổi, bổ sung, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về xã hội hóa đầu tư kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa: Cơ bản hoàn thành trong năm 2015.

2. Giải pháp chủ yếu

2.1. Về thể chế chính sách

- Xây dựng trình Bộ Tài chính ban hành Thông tư về phí để thực hiện xã hội hóa kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;

- Sửa đổi Thông tư số 37/2013/TT-BGTVT ngày 24/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nạo vét luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm;

- Ban hành Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn trình tự, thủ tục, trách nhiệm các cơ quan liên quan và hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi, Hợp đồng dự án mẫu cho các dự án PPP lĩnh vực đường thủy nội địa;

- Xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách ưu đãi cho lĩnh vực đường thủy nội địa;

- Phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng Thông tư hướng dẫn kịp thời khi Nghị định về đầu tư PPP ban hành;

- Tăng cường rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời sửa đổi, bổ sung;

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến việc huy động vốn xã hội hóa đầu tư kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

2.2. Các hình thức hoàn vốn đầu tư

- Đối với dự án xây dựng, cải tạo tuyến luồng (bao gồm cả nâng cấp khoang thông thuyền, âu tàu); đường kết nối cảng, bến thủy nội địa: Nhà đầu tư thu phí để hoàn vốn;

- Đối với dự án xây dựng, cải tạo tuyến luồng, cửa sông mà sản phẩm sau nạo vét có giá trị kinh tế: Nhà đầu tư tận thu sản phẩm hoặc kết hợp thu phí để hoàn vốn;

- Đối với các dự án xây dựng, cải tạo cảng, bến: Nhà đầu tư tự đầu tư, tổ chức khai thác, được thu các loại cước, phí để hoàn vốn và thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định;

- Nhà nước hỗ trợ trong trường hợp không hoàn được vốn đầu tư nhằm đảm bảo hiệu quả tài chính đối với dự án;

- Các hình thức đầu tư và hoàn vốn khác theo quy định của pháp luật.

2.3. Giải pháp thu phí

a) Nguyên tắc chung

- Không thu phí đối với các phương tiện loại nhỏ (có trọng tải toàn phần dưới 15 tấn);

- Khuyến khích hợp đồng, vé tháng, vé quý, vé năm đối với các tổ chức, cá nhân có phương tiện vận tải thường xuyên.

b) Hình thức thu phí

- Thu phí thủ công;

- Thu phí bán tự động;

- Thu phí tự động.

c) Một số giải pháp thu phí

- Đối với các dự án cảng, bến và đường kết nối: Tổ chức thu tại chỗ;

- Đối với tuyến luồng 01 cửa (các đoạn sông mà phương tiện chỉ ra vào duy nhất 1 cửa): Lập trạm thu phí hoặc kết hợp với cảng vụ để thu phí hoàn vốn và các phương thức thu khác;

- Đối với các dự án tuyến luồng từ 02 cửa trở lên (các đoạn sông mà phương tiện ra, vào nhiều cửa): Lập trạm tại các cửa để thu phí hoàn vốn, hoặc sử dụng các phương thức thu phí hợp lý khác;

- Các giải pháp khác tùy từng dự án.

2.4. Công tác quản lý nhà nước và quy hoạch

- Tổ chức lập đề xuất, danh mục dự án để kêu gọi đầu tư (tại Phụ lục 01) và các dự án phát sinh trong quá trình thực hiện (nếu có);

- Rà soát, cải cách thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các nhà đầu tư trong quá trình tham gia đầu tư;

- Bổ sung quy hoạch hạ tầng giao thông kết nối giữa cảng với các phương thức vận tải khác (đường bộ, đường sắt ...);

- Rà soát, bổ sung các quy hoạch lĩnh vực đường thủy nội địa đã được phê duyệt có cập nhật việc xã hội hóa.

3. Tổ chức thực hiện

3.1. Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư chủ trì theo dõi việc triển khai thực hiện Đề án.

3.2. Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, các Vụ, Cục liên quan tổ chức thực hiện Đề án theo chức năng nhiệm vụ.

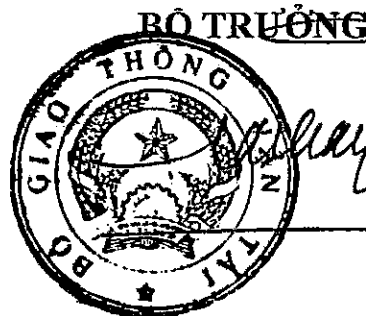
3.3. Trong quá trình thực hiện, ngoài việc tuân thủ Quyết định này, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện theo các quy định hiện hành. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, báo cáo Bộ Giao thông vận tải xử lý kịp thời.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng - Trưởng ban Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục QLXD&CLCTGT, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục đường thủy nội địa Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: Kế hoạch & Đầu tư, Tài chính, Xây dựng;
- Các Thứ trưởng;
- Trang thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu: VT, ĐTCT (5b).



Đinh La Thăng

PHỤ LỤC 01

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN THỰC HIỆN XÃ HỘI HÓA ĐẦU TƯ
(Kèm theo Quyết định số 495/QĐ-BGVTT ngày 22/12/2014 của Bộ GTVT)

TT	Danh mục dự án	Chiều dài (km)	Cấp kỹ thuật	Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Vốn ngoài ngân sách dự kiến (tỷ đồng)	Dự kiến hình thức đầu tư	Địa điểm	Thời gian dự kiến triển khai
Tổng cộng				15.970	12.663			
1. Lương tuyến vận tải thủy				10.704	7.994			
1	Nâng cấp tuyến kênh Chợ Gạo - giai đoạn 2	27	II	1.400	980	PPP	Tiền giang	2015-2017
2	Nâng cấp tuyến VTT sông Sài Gòn đoạn từ cầu sắt Bình Lợi đến cầu Bến Súc	63	III	1.000	800	PPP	Sài Gòn - Đồng Nai	2015-2017
3	Nâng cấp tuyến VTT sông Móng Cái từ Vạn Gia đến cầu Ka Long	17	III	560	448	PPP	Quảng Ninh	2016-2017
4	Nâng cấp tuyến VTT Việt Trì - Yên Bái	160	III	990	495	PPP	Phú Thọ - Lào Cai	2016-2018
5	Nâng cấp tuyến VTT Yên Bái - Lào Cai	166	IV	4.300	3.440	PPP	Yên Bái - Lào Cai	2016 - 2020

TT	Danh mục dự án	Chiều dài (km)	Cấp kỹ thuật	Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Vốn ngoài ngân sách dự kiến (tỷ đồng)	Dự kiến hình thức đầu tư	Địa điểm	Thời gian dự kiến triển khai
6	Nâng cấp tuyến vận tải thủy sông Hàm Lương từ ngã ba sông Tiên đến cửa Hàm Lương	91	I	495	415	PPP	Bến Tre	2016-2020
7	Nâng cấp tuyến VTT Ninh Bình - Thanh Hóa	148	IV, III	179	89.5	PPP	Ninh Bình - Thanh Hóa	2016-2020
8	Nâng cao an toàn bến khách ngang sông	Bến	3.740	980	686	PPP	Toàn quốc	2016-2020
9	Nâng cấp tuyến VTT sông Đuống (cầu đường sắt - cầu Đuống)	68	II	800	640	PPP	Hà Nội	2016-2017

TT	Danh mục dự án	Độ sâu luồng		Cơ tàu PSB (DWT)	Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Vốn XHH dự kiến (tỷ đồng)	Dự kiến hình thức đầu tư	Địa điểm	Thời gian dự kiến triển khai
		(H _{min} , m)							
2. Luồng cửa sông pha biển									
1	Cải tạo, nâng cấp luồng cửa Đáy	2.8		III	33	33	PPP	Nam Định	2015-2017
2	Cải tạo, nâng cấp luồng cửa Trà Lý	3.2		III	125	112.5	PPP	Thái Bình	2015-2018
3	Cải tạo, nâng cấp luồng cửa Gianh	3.6		2.000	50	45	PPP	Quảng Bình	2016-2020
4	Cải tạo, nâng cấp luồng cửa Cỏ Chiên	6		5.000	268	241.2	PPP	Bến Tre	2016-2020



TT	Danh mục dự án	Cơ tàu	Công suất	Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Vốn ngoài ngân sách dự kiến (tỷ đồng)	Dự kiến hình thức đầu tư	Địa điểm	Phương thức đầu tư	Thời gian dự kiến triển khai
3. Cảng, bến thủy nội địa									
1	Cảng container Phú Đông	800	2.540	550	440		Hà Nội	Xây mới	
2	Cảng Long Bình	5.000	2.000	240	192		TP.HCM	Nâng cấp	
3	Cảng Khuyến Lương	1.000	1.700	119	119		Hà Nội	Nâng cấp	
4	Cụm cảng Sơn Tây	800	1.200	120	120		Hà Nội	Nâng cấp	
5	Cảng Thanh Trì	800	700	70	70		Hà Nội	Nâng cấp	
6	Cụm cảng Ninh Phúc mới	3.000	3.000	300	300		Ninh Bình	Xây mới	
7	Cảng vùng hồ TĐ Sơn La	200	300	60	60		Sơn la	Xây mới	
8	Cảng vùng hồ thủy điện Tuyên Quang	200	200	40	40		Tuyên Quang	Nâng cấp	2015-2018
9	Cảng tàu khách Bãi Cháy	250 (ghè)	2.000 (HK/n)	400	400		Quảng Ninh	Nâng cấp	
10	Cảng Long Đức	500	400	50	50		Trà Vinh	Nâng cấp	
11	Cảng Bình Long	500	300	35	35		An Giang	Nâng cấp	
12	Cảng Tắc Cầu	500	400	50	50		Kiên Giang	Nâng cấp	
13	Cảng sông Sa Đéc	500	300	25	25		Đồng Tháp	Nâng cấp	
14	Cảng Phú Xuyên			350	280		Hà Nội		
15	Cảng Chèm			350	280		Hà Nội		
16	Cảng Nam Định			250	200		Nam Định		
17	Cảng Yên Lệnh			220	176		Hà Nam		
18	Cảng Nhom Đức			500	400		TP.HCM		
19	Cảng Đa Phúc			300	240		Thái Nguyên		
20	Cảng Việt Trì			50	50		Việt Trì		
21	Cảng Hải Linh			36	36		Phủ Thọ		
22	Cảng Bông Lạch			50	50		Hà Nam		
23	Cảng Cống Cầu			50	50		Hải Dương		
24	Cảng Phú Thái			50	50		Thanh Hóa		
25	Cảng Lò Rèn			50	50		Hà Tĩnh		
26	Cảng Hộ Độ			50	50		Quảng Bình		
27	Cảng Lèn Bàng			50	50		Hội An		
28	Cảng Hội An			50	50		TP.HCM		
29	Cảng Phú Định			150	150		Bình Dương		
30	Cảng Bến Súc			50	50		Tây Ninh		
31	Cảng Bến Kéo			75	75		Bình Dương		
32	Cảng Thạch Phước			50	50				

Đầu tư trực tiếp+ hình thức khác

Nâng cấp
2017-2020

Xây mới
2016-2019

PHỤ LỤC 02

DANH MỤC CÁC VĂN BẢN DỰ KIẾN BAN HÀNH

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-BGTVT ngày

/12/2014 của Bộ GTVT)

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì xây dựng	Cơ quan chủ trì trình và cơ quan phối hợp	Tiến độ
1	Thông tư của Bộ Tài chính về phí để thực hiện xã hội hóa kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	<u>Vụ Tài chính</u> Ban PPP, Vụ Pháp chế	2015
2	Sửa đổi Thông tư số 37/2013/TT-BGTVT ngày 24/10/2013 của Bộ GTVT quy định về nạo vét luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	<u>Vụ KCHT</u> Ban PPP, Vụ Pháp chế, Vụ Tài chính	2015
3	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn trình tự, thủ tục, trách nhiệm các cơ quan liên quan và hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi, Hợp đồng dự án mẫu cho các dự án PPP lĩnh vực đường thủy nội địa;	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	<u>Ban PPP</u> Vụ Pháp chế, Vụ Tài chính, Cục QLXD&CLCTGT	2015
4	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách ưu đãi cho lĩnh vực đường thủy nội địa;	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	<u>Vụ Vận tải</u> Vụ Pháp chế, Vụ Tài chính	2015